

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **136/2026/DS-ST**
Ngày 07/7/62026
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Phạm Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Huỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 230/2026/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo 346/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm T, sinh năm 10/11/1982, CCCD: 094082011672 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/4/2022. Địa chỉ: A, xã N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Kiêm Thị D, sinh năm 1988, CCCD: 094188020576 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/11/2021. Địa chỉ: A, xã N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2026 thì nguyên đơn ông Lâm T trình bày: Ông và bà Kiêm Thị D kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện vào ngày 16/12/2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ). Ông, bà có 01 con chung tên Lâm Thị Ngọc D1, sinh ngày 03/08/2010, giới tính: nữ, hiện nay con đang sống cùng ông T. Ông cho rằng quá trình sống chung ông và bà Kiêm Thị D kết hôn với nhau một thời gian đến năm 2020 thì vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau, bất đồng quan điểm nên hai ông bà đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Kiên Thị D và yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lâm Thị Ngọc D1, sinh ngày 03/08/2010 và không yêu cầu bà Kiên Thị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì ông cho rằng có tài sản chung nhưng có thể tự thỏa thuận, về nợ chung thì ông, bà không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Lâm T yêu cầu bà Kiên Thị D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

- Bị đơn bà Kim Thị D2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Lâm T được ly hôn với bà Kiên Thị D, giao con chung là cháu Lâm Thị Ngọc D1 cho ông Lâm T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc bà Kiên Thị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.850.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn là bà Kiên Thị D vắng mặt lần hai không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Lâm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Kiên Thị D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lâm Thị Ngọc D1, sinh ngày 03/08/2010, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa, ông T yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: Ông Lâm T và bà Kiên Thị D kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện vào ngày 16/12/2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ) nên đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Ông Lâm T cho rằng trong thời gian sống chung, ông và bà Kiên Thị D phát sinh mâu thuẫn do bà D có mối quan hệ tình cảm với người khác và ông, bà không còn sống chung từ 10/2029 đến nay. Thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bà D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia hòa giải, điều này thể hiện sự không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa ông T kiên quyết ly hôn với bà Danh T1 đó, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các quy định tại Điều

39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cho ông được ly hôn với bà Kiêm Thị D.

[3.2] Về con chung: Ông Lâm T xác định ông, bà có một người con chung là cháu Lâm Thị Ngọc D1, sinh ngày 03/08/2010, hiện nay con đang sống cùng ông T. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T ly hôn với ông. Xét thấy yêu cầu của ông T về vấn đề con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu D1, đồng thời cháu D1 đang sống với ông T nên việc giao cháu cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cũng đảm bảo ổn định môi trường sống cho cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lâm T yêu cầu bà Kiêm Thị D cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật kể từ thời điểm vụ án được xét xử xong. Thấy rằng, theo quy định tại Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Vì vậy yêu cầu cấp dưỡng của ông T là có căn cứ để chấp nhận. Về mức cấp dưỡng, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định “Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà Kiêm Thị D phải cấp dưỡng cho cháu Lâm Thị Ngọc D1 mỗi tháng 1.850.000 đồng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định này.

[3.4] Về tài sản chung: Ông T tự khai ông và bà D có tạo lập được một số tài sản chung nhưng do thủ tục giấy tờ chưa hợp pháp nên ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, bà Kiêm Thị D cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Do ông Lâm T và bà Kiêm Thị D đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Lâm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Kiêm Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của nghị quyết này.

[5] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm T.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm T được ly hôn với bà Kiêm Thị D.

2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lâm Thị Ngọc D1, sinh ngày 03/08/2010 cho ông Lâm T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Bà Kiêm Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Buộc bà Kiêm Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.850.000 đồng cho đến khi cháu Lâm Thị Ngọc D1 đủ 18 tuổi. Phần quyết định này của Bản án được thi hành ngay theo quy định tại khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự.

3/. Về án phí: Ông Lâm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010241 ngày 22/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Lâm T đã nộp xong án phí sơ thẩm. Bà Kiêm Thị D phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

4/. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV10 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TPCT;
- Các đương sự;
- UBND xã Nhơn Mỹ, TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tư

